

Bản án số: 141/2024/DS-ST

Ngày: 24/7/2024.

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

2. Bà Huỳnh Khiết Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2024/QĐST-DS ngày 08/7/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, , sinh năm: 1957; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V. Cùng địa chỉ : Ấp H, Xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2024, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Sáu trình bày: Bà là hụi viên, có tham gia các dây hụi do vợ chồng bà T, ông V làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi 01: Hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 25/10/2020 âm lịch, có 25 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi ghi tên "Bác Sáu L", bà đóng hụi sống đến mãn hụi được 24 lần, tính hụi có lãi thì bà đóng được số tiền: 5.000.000 đồng x 24 lần x 01 phần = 120.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng thì bà đóng hụi được 117.500.000 đồng. Nhưng từ khi mãn hụi đến nay bà T không giao tiền hụi cho bà, vì vậy bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V có trách nhiệm trả lại bà số tiền dây hụi này là 117.500.000 đồng.

- Dây hui 02: Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/05/2022 âm lịch, có 25 phần, bà tham gia 02 phần, tên trong danh sách hui ghi tên "Bác S", bà đóng hui sống được 05 lần, tính hui có lãi thì bà đóng được số tiền: 2.000.000 đồng x 05 lần x 02 phần = 20.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11/2022 dương lịch bà T bị bẻ hui và không khai nữa. Vì vậy bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V có trách nhiệm trả lại bà số tiền dây hui này là 20.000.000 đồng.

- Dây hui 03: Hui tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/07/2022 âm lịch, có 25 phần, bà tham gia 02 phần, tên trong danh sách hui ghi tên "Bác S", bà đóng hui sống được 04 lần, tính hui có lãi thì bà đóng được số tiền: 5.000.000 đồng x 4 lần x 02 phần = 40.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11/2022 dương lịch bà T bị bẻ hui và không khai nữa. Vì vậy bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V có trách nhiệm trả lại bà số tiền dây hui này là 40.000.000 đồng.

- Dây hui 04: Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/07/2022 âm lịch, có 25 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hui ghi tên "Bác Sáu L", bà đóng hui sống được 03 lần, tính hui có lãi thì bà đóng được số tiền: 2.000.000 đồng x 3 lần x 01 phần = 6.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11/2022 dương lịch bà T bị bẻ hui và không khai nữa. Vì vậy bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V có trách nhiệm trả lại bà số tiền dây hui này là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tổng cộng số tiền 04 dây hui bà T, ông Vũ t bà là: 117.500.000 đồng + 20.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + 6.000.000 đồng = 183.500.000 đồng.

Sau đó bà T, ông V có trả cho bà được số tiền là 34.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ tiền 34.000.000 đồng bà T, ông V đã trả cho bà thì số tiền hui bà T, ông V còn thiếu bà là: 183.500.000 đồng - 34.000.000 đồng = 149.500.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xem xét và giải quyết như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V phải có trách nhiệm liên đới trả lại tổng số tiền hui còn thiếu là 149.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

* Đối với các bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bị đơn, nhưng các bị đơn không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của các bị đơn T và V.

Tại phiên tòa, bà S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đến thời điểm mở phiên tòa xét xử hôm nay, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử

căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn **T** và bị đơn **V**.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn **Nguyễn Thị S** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông **Đình Hoàng V** cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà tổng số tiền hui còn nợ là 149.500.000 đồng.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị S** cùng các bị đơn là bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông **Đình Hoàng V** có thỏa thuận tham gia chơi hui với nhau (04 dây hui tháng), bà **S** là hui viên và bà **T** và ông **V** là chủ hui, do hui khui đến tháng 11/2022 dương lịch thì bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông **Đình Hoàng V** đình hui, không khui nữa. Số tiền bà **S** đã đóng 04 dây hui (với 06 phần hui) là 183.500.000.000 đồng. Bà **S** thừa nhận, sau khi hai bên chốt nợ thì vợ chồng bà **T**, ông **V** có hoàn trả cho bà **S** số tiền là 34.000.000 đồng, còn nợ lại 149.500.000 đến nay chưa hoàn trả cho bà **S**.

[3.2] Về phía bị đơn là bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông **Đình Hoàng V**, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **T** và ông **V** nhưng bà **T** và ông **V** cố tình vắng mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho bà **S** nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với bà **S**, nên được coi là bà **T** và ông **V** đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình trong vụ án này.

[3.3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: “... *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...*” và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án*”.

[4] Từ những tình tiết nêu trên có căn cứ xác định việc bà **T** và ông **V** làm chủ hui, tổ chức việc chơi hui công khai tại địa phương nơi cư trú trong thời gian dài và có nhiều người dân biết, cũng có nhiều người tham gia hui, trong đó có bà **S** tham gia hui, nhưng bà **T** và ông **V** đã không duy trì được đến ngày hui mãn là sự việc có thật (Theo Bản án số 108/2024/DS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng). Do bà **T** và ông **V** đã có lỗi trong việc vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận góp hui khi không duy trì được đến ngày hui mãn, số tiền góp hui của các hui viên chưa được tính toán để hoàn lại, chính sự vi phạm nghĩa vụ của bà **T** và ông **V** đã trực tiếp gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà **S**, nên bà **T** và ông **V** phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà **S** số tiền hui còn nợ là 149.500.000 đồng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

[5] Khi các bên đương sự giao kết hợp đồng góp hui với nhau đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và nội dung, mục đích của hợp đồng góp hui này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại **Điều 117, Điều 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015**.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án

Tô Thị Bích Duyên

